

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
K5 - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 25-7- 2025
V/v “tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN K5- ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Trung Thành
2. Ông Huỳnh Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Liêu- Thư ký Toà án nhân dân K5
- Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân K5 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Trần Hương Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân K5 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2025/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Mai Thị Thanh T** sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã C, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Thanh Q** sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Mai Thị Thanh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Thanh Q chung sống với nhau năm 2016, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐHH vào ngày 29/11/2016. Vợ chồng sống đến khoảng năm 2019- 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Q không lo làm ăn, thường xuyên ăn nhậu, hay cờ bạc gây nợ nần nhiều người và chị đã trả nợ rất nhiều lần, chị đã nhiều lần

khuyên ngăn nhưng anh Q không thay đổi và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không có gặp nhau để bàn bạc hàn gắn lại, không phụ tiền nuôi con. Nay yêu cầu được ly hôn với anh Q.

- Về con chung: Có 02 con chung là Trần Ngọc PM sinh ngày 26/01/2017 và Trần Ngọc XM sinh ngày 12/4/2019. Hiện các con đang sống với chị, chị yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng do hiện chị có công việc trong coi cửa hàng thu nhập khoảng 7-8 triệu đồng/tháng, đủ nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn là anh Trần Thanh Q đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có ý kiến và yêu cầu gì.

* *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh Q, giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa, các qui định của pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Anh Trần Thanh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, chị Mai Thị Thanh T vắng mặt và có yêu cầu vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt chị T và anh Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị Thanh T và anh Trần Thanh Q chung sống với nhau năm 2016, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐHH vào ngày 29/11/2016 nên là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh Q theo chị T xác định là do anh Q không lo làm ăn, thường xuyên ăn nhậu, hay cờ bạc gây nợ nần nhiều người và chị đã trả nợ rất nhiều lần, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Q không thay đổi và vợ chồng ly thân từ khoảng năm 2019- 2020 cho đến nay. Thời gian chị T và anh Q sống ly thân đến nay đã lâu nhưng không có gặp nhau, không hàn gắn, không đoàn tụ được. Anh Q không có ý kiến mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, điều đó thể hiện ý chí của anh Q là không muốn vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở, phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét thấy, cháu Trần Ngọc PM và cháu Trần Ngọc XM hiện đang sống với chị T và cháu PM cũng có nguyện vọng sống với chị T, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi các con chung. Anh Q không có ý kiến phản đối mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Do đó để đảm bảo ổn định cuộc sống và quyền lợi của con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu PM và cháu XM cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân K5 - Đồng Tháp là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Thanh T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Mai Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Thanh Q.

- *Về con chung*: Giao cháu Trần Ngọc PM sinh ngày 26/01/2017 và cháu Trần Ngọc XM sinh ngày 12/4/2019 cho chị Mai Thị Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Mai Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0001546 ngày 15/4/2025 của Chi cục thi hành án

dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp) xem như chị T đã nộp xong án phí.

3. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày; đối với chị Mai Thị Thanh T và anh Trần Thanh Q được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp
- VKSND K5;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thi